

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2023
V/v : Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.
2. Bà Thảo Thị Chứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 26/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số : 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số : 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị D**; Sinh năm : 1991; Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Lèo Văn U**; Sinh năm : 1990; Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lường Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lèo Văn U kết hôn với nhau từ ngày 05/6/2017 tại UBND xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc. Chị D, anh U chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh U nghiện chất ma túy, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ đó cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị D nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên

đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh U.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Lèo Thị Kim N, sinh ngày 04/9/2008; Cháu Lèo Văn Mạnh H, sinh ngày 20/6/2010. Chị D đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung : Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị D không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị D đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lèo Văn U : Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị D được ly hôn với anh Lèo Văn U.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao hai cháu : Lèo Thị Kim N, sinh ngày 04/9/2008 và Lèo Văn Mạnh H, sinh ngày 20/6/2010 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị D.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lèo Văn U:* Anh Lèo Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị D và anh Lèo Văn U kết hôn với nhau từ ngày 05/6/2017 tại UBND xã Bó Mười, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc. Sau khi kết hôn chị D, anh U chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh U nghiện chất ma túy, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ đó cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Từ các căn cứ trên cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lương Thị D và anh Lèo Văn U đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị Lương Thị D được ly hôn với anh Lèo Văn U.

[3]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Lèo Thị Kim N, sinh ngày 04/9/2008 và Lèo Văn Mạnh H, sinh ngày 20/6/2010. Nay ly hôn nguyện vọng của chị D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lèo Thị Kim N và Lèo Văn Mạnh H, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị D có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Giao hai cháu Lèo Thị Kim N và Lèo Văn Mạnh H cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý, sau khi ly hôn anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lương Thị D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị D. Chị Lương Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị D được ly hôn với anh Lèo Văn U.

2. Về con chung: Xử giao hai cháu : Lèo Thị Kim N, sinh ngày 04/9/2008 và Lèo Văn Mạnh H, sinh ngày 20/6/2010 cho chị Lương Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lèo Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị D. Chị Lương Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số: AA/2021/0002029, ngày 07/10/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị D có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lèo Văn U có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã B, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

